



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 1 tháng 8
năm 2020

[In](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

4,542,579

68,605 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

152,870

1.371 Ca Tử Vong Mới*



Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

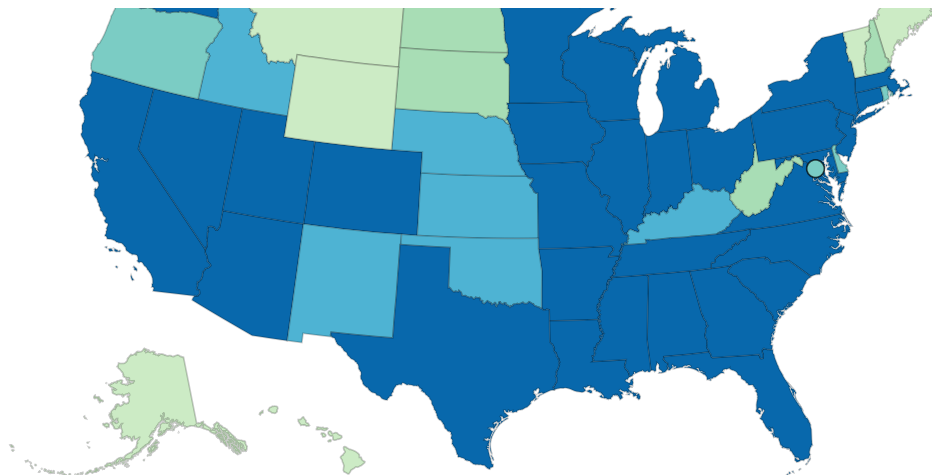
Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.














- AS
- GU
- MH
- FM
- MP
- PW
- PR
- VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- ☐ 0 đến 1.000
- ☐ 1,001 đến 5,000
- ☐ 5,001 đến 10,000
- ☐ 10,001 đến 20,000
- ☐ 20,001 đến 40,000
- ☐ 40.001 trở lên

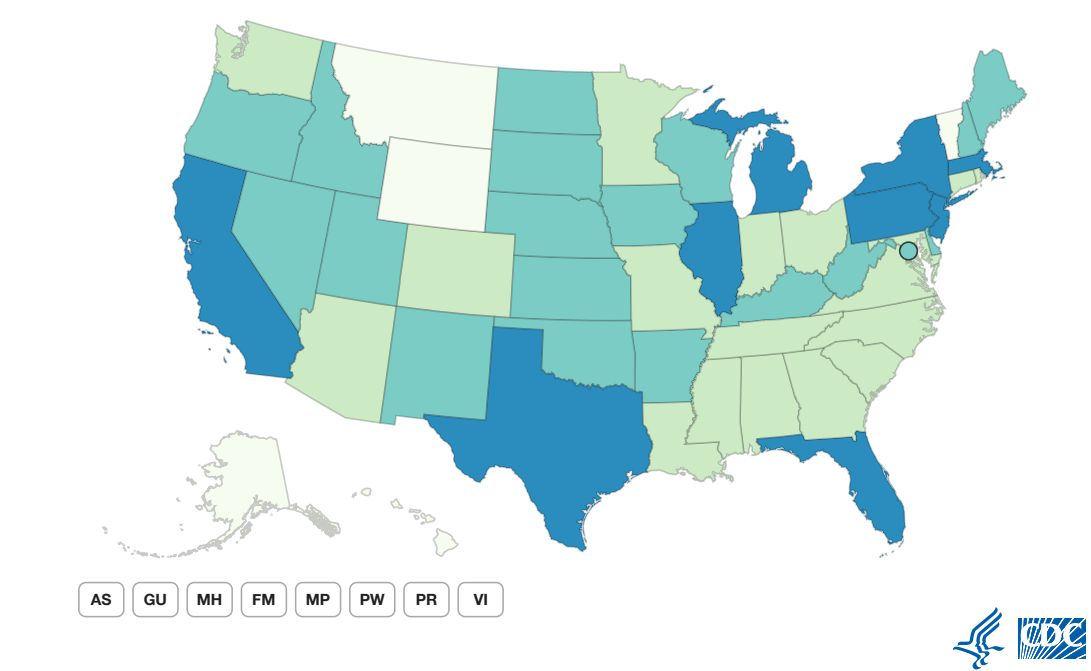
Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
<input type="radio"/> Alabama	85,409	2,458	87,867
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	2,990
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	174,010	0	174,010
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	42,511
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	493,588
<input type="radio"/> Colorado	43,626	3,183	46,809
<input type="radio"/> Connecticut	47,854	1,956	49,810
<input type="radio"/> Delaware	13,880	997	14,877
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	12,126
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	465,030
<input type="radio"/> Georgia	N/A	N/A	186,352
<input type="radio"/> Guam	N/A	N/A	356
<input type="radio"/> Hawaii	N/A	N/A	1,989
<input type="radio"/> Idaho	19,463	1,258	20,721
<input type="radio"/> Illinois	178,837	1,281	180,118
<input type="radio"/> Indiana	N/A	N/A	66,154
<input type="radio"/> Iowa	N/A	N/A	44,582
<input type="radio"/> Kansas	27,171	641	27,812
<input type="radio"/> Kentucky	28,404	1,747	30,151

<input type="radio"/> Louisiana 	N/A	N/A	116,280
<input type="radio"/> Maine 	3,516	421	3,937
<input type="radio"/> Marshall Islands 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland 	N/A	N/A	89,365
<input type="radio"/> Massachusetts 	109,787	7,825	117,612
<input type="radio"/> Michigan 	81,621	8,953	90,574
<input type="radio"/> Micronesia 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota 	N/A	N/A	55,188
<input type="radio"/> Mississippi 	59,002	879	59,881
<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	50,323
<input type="radio"/> Montana 	3,965	0	3,965
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	26,211
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	48,312
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	6,583
<input type="radio"/> New Jersey 	N/A	N/A	181,660
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	20,600
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	189,866
<input type="radio"/> New York City 	222,131	4,636	226,767
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	122,148
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	6,602
<input type="radio"/> Northern Marianas 	42	0	42
<input type="radio"/> Ohio 	86,333	4,826	91,159
<input type="radio"/> Oklahoma 	36,487	2,618	39,105
<input type="radio"/> Oregon 	17,541	952	18,493
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	109,779	3,157	112,936
<input type="radio"/> Puerto Rico 	6,543	11,329	17,872
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	19,022
<input type="radio"/> South Carolina 	88,523	493	89,016
<input type="radio"/> South Dakota 	N/A	N/A	8,764
<input type="radio"/> Tennessee 	104,778	1,181	105,959
<input type="radio"/> Texas 	N/A	N/A	420,946
<input type="radio"/> Utah 	40,458	339	40,797
<input type="radio"/> Vermont 	N/A	N/A	1,414
<input type="radio"/> Virgin Islands 	N/A	N/A	421

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền


































Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.









Số ca tử vong đã báo cáo

☐ 0 to 100 ☐ 1,001 to 5,000 ☐ 101 to 1,000 ☐ 5,001 trở lên


Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
<input type="radio"/> Alabama	1,533	48	1,581
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	23
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	3,694	0	3,694
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	453
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	9,005
<input type="radio"/> Colorado	1,498	340	1,838
<input type="radio"/> Connecticut	3,551	881	4,432
<input type="radio"/> Delaware	515	70	585
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	585
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	6,843

<input type="radio"/> Georgia 	N/A	N/A	3,752
<input type="radio"/> Guam 	N/A	N/A	5
<input type="radio"/> Hawaii 	N/A	N/A	26
<input type="radio"/> Idaho 	166	23	189
<input type="radio"/> Illinois 	7,495	197	7,692
<input type="radio"/> Indiana 	2,765	200	2,965
<input type="radio"/> Iowa 	N/A	N/A	867
<input type="radio"/> Kansas 	N/A	N/A	358
<input type="radio"/> Kentucky 	731	4	735
<input type="radio"/> Louisiana 	3,835	114	3,949
<input type="radio"/> Maine 	N/A	N/A	123
<input type="radio"/> Marshall Islands 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland 	3,374	132	3,506
<input type="radio"/> Massachusetts 	8,389	220	8,609
<input type="radio"/> Michigan 	6,199	251	6,450
<input type="radio"/> Micronesia 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota 	1,606	40	1,646
<input type="radio"/> Mississippi 	1,648	45	1,693
<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	1,243
<input type="radio"/> Montana 	60	0	60
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	332
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	856
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	415
<input type="radio"/> New Jersey 	13,944	1,875	15,819
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	642
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	8,841
<input type="radio"/> New York City 	18,910	4,626	23,536
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	1,924
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	103
<input type="radio"/> Northern Marianas 	2	0	2
<input type="radio"/> Ohio 	3,222	267	3,489
<input type="radio"/> Oklahoma 	541	0	541
<input type="radio"/> Oregon 	316	6	322
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	N/A	N/A	7,204
<input type="radio"/> Puerto Rico 	115	110	225
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	1,007
<input type="radio"/> South Carolina 	1,647	65	1,712
<input type="radio"/> South Dakota 	130	0	130

<input type="radio"/> Tennessee 	1,023	37	1,060
<input type="radio"/> Texas 	N/A	N/A	6,569
<input type="radio"/> Utah 	307	0	307
<input type="radio"/> Vermont 	N/A	N/A	57
<input type="radio"/> Virgin Islands 	N/A	N/A	8
<input type="radio"/> Virginia 	2,105	110	2,215

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](https://data.cdc.gov) 

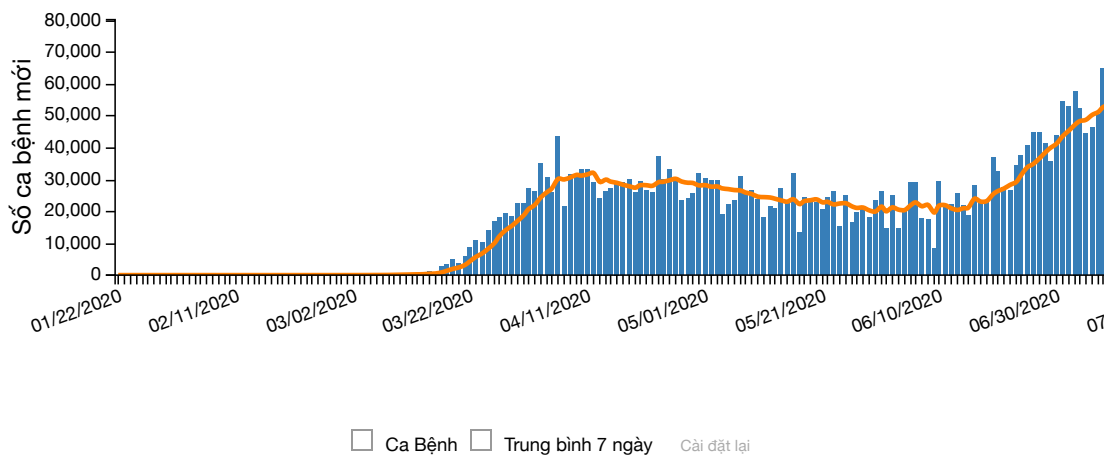
Chọn một Tiểu Bang



Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu						
	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.418.619 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 744.547 (21,8%) người. Trong số 119.639 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 587 (0,5%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

119.639

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

587

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2020, 03:00 Chiều

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)